

Số: 1062/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng
đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;
Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật Giao thông đường
thủy nội địa sửa đổi năm 2014;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm
2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số
252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023; số 202/2025/QH15 ngày 12
tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02
năm 2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây
dựng; số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết một số điều
của Luật Quy hoạch; số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 quy định chi tiết
một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; số
144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong
lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 và Quyết
định số 1587/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê
duyet Quy hoạch và điều chỉnh Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời
kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét đề nghị của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại các văn bản: tờ
trình số 4026/TTr-CHHĐTVN ngày 16 tháng 6 năm 2026 trình phê duyệt điều chỉnh
Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050; văn bản số 4376/CHHĐTVN-KCHT ngày 25 tháng 6 năm 2026 tiếp
thu, giải trình ý kiến các bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện trình hồ sơ điều chỉnh
Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính tại báo cáo thẩm định
số 2184/KHTC ngày 29 tháng 6 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quyết định số 1829/QĐ-TTg

ngày 31 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

1. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm a khoản 2 Mục I Điều 1 như sau: “Về vận tải, khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt khoảng 939 triệu tấn; khối lượng vận chuyển hành khách đạt khoảng 577 triệu lượt khách; khối lượng luân chuyển hàng hóa đạt khoảng 172 tỷ tấn.km; khối lượng luân chuyển hành khách nội địa khoảng 11 tỷ khách.km.”.

2. Sửa đổi khoản 1 Mục II Điều 1 như sau:

“1. Hành lang vận tải

Quy hoạch 10 hành lang vận tải chính và các hành lang vận tải bổ trợ (có các tuyến vận tải thủy chính, tuyến nhánh và các tuyến kết nối khác) gồm:

a) Hành lang vận tải Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh (phía Đông): khối lượng vận tải ven biển và vận tải thủy khoảng từ 113 đến 122 triệu tấn.

b) Hành lang vận tải Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh: khối lượng vận tải thủy khoảng từ 112 đến 118 triệu tấn.

c) Hành lang vận tải Hà Nội - Lào Cai: khối lượng vận tải thủy khoảng từ 38 đến 41 triệu tấn.

d) Hành lang vận tải Hà Nội - Hòa Bình (Phú Thọ) - Điện Biên: khối lượng vận tải thủy khoảng 4 triệu tấn.

đ) Hành lang vận tải Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau/An Giang: khối lượng vận tải thủy khoảng từ 196 đến 206 triệu tấn.

e) Hành lang vận tải Thành phố Hồ Chí Minh - Cửa khẩu Mộc Bài: khối lượng vận tải thủy khoảng từ 13 đến 15 triệu tấn.

g) Hành lang vận tải Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu: khối lượng vận tải thủy khoảng 22 triệu tấn.

h) Hành lang vận tải Thành phố Hồ Chí Minh - Cửa khẩu Hoa Lư: khối lượng vận tải thủy khoảng 8 triệu tấn.

i) Hành lang vận tải Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (kết nối với Campuchia qua sông Tiền, sông Hậu): khối lượng vận tải thủy khoảng 12 triệu tấn.

j) Hành lang vận tải Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau: khối lượng vận tải thủy khoảng 15 triệu tấn.

k) Các hành lang vận tải bổ trợ (khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam): khối lượng vận tải thủy khoảng 151 triệu tấn”.

3. Sửa đổi khoản 2 Mục II Điều 1 như sau:

“2. Quy hoạch các tuyến vận tải thủy và cấp kỹ thuật đường thủy nội địa

Quy hoạch 55 tuyến vận tải (gồm các tuyến vận tải chính, các tuyến nhánh và các tuyến kết nối khác của khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam) trên 128 sông, kênh tổng chiều dài 6.682,5 km gồm: miền Bắc có 15 tuyến chính và 03 tuyến nhánh trên 42 sông, kênh tổng chiều dài 2.569,5 km; miền Trung có 11 tuyến chính trên 26 sông, kênh tổng chiều dài 1.130 km; miền Nam có 18 tuyến chính và 08 tuyến nhánh trên 60 sông, kênh tổng chiều dài 2.983 km. Trên các tuyến vận tải, đầu tư đồng bộ các kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa”.

(Chi tiết điều chỉnh các tuyến vận tải và cấp kỹ thuật đường thủy nội địa tại

Phụ lục I, Phụ lục II).”.

4. Sửa đổi điểm a, khoản 3 Mục II Điều 1 như sau:

“a) Quy hoạch cụm cảng

- Quy hoạch 27 cụm cảng hàng hóa tổng công suất khoảng 583,1 triệu tấn. Miền Bắc có 13 cụm cảng tổng công suất khoảng 341,3 triệu tấn; miền Trung có 06 cụm cảng tổng công suất khoảng 19,1 triệu tấn; miền Nam có 08 cụm cảng tổng công suất khoảng 222,7 triệu tấn.

- Quy hoạch 30 cụm cảng khách chính, tổng công suất khoảng 76,1 triệu lượt khách. Miền Bắc có 11 cụm cảng tổng công suất khoảng 20,5 triệu lượt khách; miền Trung có 11 cụm cảng chính tổng công suất khoảng 3,8 triệu lượt khách; miền Nam có 08 cụm cảng chính tổng công suất khoảng 51,8 triệu lượt khách”.

(Chi tiết điều chỉnh các cụm cảng hàng hoá, cụm cảng hành khách tại Phụ lục III và Phụ lục IV)

5. Sửa đổi điểm b, khoản 3 Mục II Điều 1 như sau:

“b) Quy hoạch chi tiết cảng hàng hóa

Bổ sung điều chỉnh công suất một số cảng, điều chỉnh công suất các cảng khác trong cụm cảng và một số nội dung liên quan.

(Chi tiết điều chỉnh quy hoạch chi tiết cảng hàng hóa tại Phụ lục V)”.

6. Sửa đổi Mục IV Điều 1 như sau:

“Tổng nhu cầu sử dụng đất khoảng 7.226 ha, gồm: khu vực miền Bắc khoảng 3.541 ha, khu vực miền Trung khoảng 463 ha, khu vực miền Nam khoảng 3.222 ha.

Tổng nhu cầu sử dụng mặt nước khoảng 10.751 ha, gồm: khu vực miền Bắc khoảng 5.134 ha, khu vực miền Trung khoảng 623 ha, khu vực miền Nam khoảng 4.994 ha”.

7. Sửa đổi Mục V Điều 1 như sau:

“Nhu cầu vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giai đoạn 2021-2030 khoảng 206.286 tỷ đồng (không bao gồm kinh phí đầu tư luồng chuyên dùng và các cảng chuyên dùng)”.

8. Bổ sung nội dung phía trước mục 1 Điều 2 như sau:

“Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở để triển khai lập Quy hoạch chi tiết kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 và Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ cho đến khi Quy hoạch chi tiết kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; các Vụ trưởng; Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC (Thành).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang